

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Chuyên khoa II chuyên ngành Nhi khoa cập nhật năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2672/QĐ-ĐHYD ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-ĐHYD ngày 09/04/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành mẫu Bản mô tả chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần;

Căn cứ Công văn số 1398/ĐHYD-TTKT ngày 22/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc thống nhất cách viết mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT sau đại học theo mẫu chung;

Xét đề nghị của Trường phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Chuyên khoa II chuyên ngành Nhi khoa cập nhật năm 2022 (kèm theo).

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan tổ chức xây dựng đề cương chi tiết các học phần thuộc chương trình đào tạo; áp dụng từ năm học 2021-2022.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *hcr*

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu: VT, ĐT, TT-KT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHUYÊN KHOA II CHUYÊN NGÀNH NHI KHOA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 247 /QĐ-ĐHYD ngày 11 tháng 2 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)

I. Thông tin chung (General Information)

1. Tên trường/cơ sở cấp bằng: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*
2. Cơ sở đào tạo, giảng dạy: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*
3. Tên chương trình đào tạo
 - Tên tiếng Việt: *Chuyên khoa II chuyên ngành Nhi khoa*
 - Tên tiếng Anh: *The Second Level Specialist in Pediatrics*
4. Thông tin về kiểm định: *Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 128/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 25/12/2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường đại học cao đẳng Việt Nam.*
5. Trình độ đào tạo: *Chuyên khoa II*
6. Ngành đào tạo: *Nhi khoa*
7. Mã ngành đào tạo: *CK 62.72.1655*
8. Thời gian đào tạo: *2 năm*
9. Ngôn ngữ đào tạo: *Tiếng Việt*
10. Hình thức đào tạo: *Tập trung*
11. Danh hiệu văn bằng
 - Tên tiếng Việt: *Chuyên khoa II chuyên ngành Nhi khoa*
 - Tên tiếng Anh: *The Second Level Specialist in Pediatrics*

II. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objective - PEO)

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu <i>Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học đạt được các mục tiêu sau:</i>	Phù hợp		
		<i>Sứ mạng</i>	<i>Tầm nhìn</i>	<i>Luật Giáo dục Đại học</i>
I. Kiến thức				
PEO 1	Vận dụng thành thạo kiến thức về khoa học cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành phương pháp luận nghiên cứu khoa học và phương pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp.	X	X	X

II. Kỹ năng				
PEO 2	Thực hiện thành thạo các kỹ năng chuyên sâu về: Chẩn đoán, điều trị, theo dõi, tiên lượng, dự phòng các cấp cứu, các bệnh lý trong chuyên ngành Nhi khoa.	X	X	X
PEO 3	Tham gia tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động chuyên môn. Giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả trong thực hành nghề nghiệp.	X	X	X
PEO 4	Làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển. Suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử trí một cách sáng tạo, độc đáo.	X	X	X
III. Mức tự chủ và trách nhiệm				
PEO 5	Chủ động đưa ra những sáng kiến cải tiến, phán quyết và ra quyết định mang tính chuyên gia trong chuyên ngành Nhi khoa. Chủ động thích ứng với môi trường thay đổi; không ngừng học tập, nghiên cứu, tự định hướng và dẫn dắt những người khác	X	X	X

III. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcome - PLO)

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Ngay khi kết thúc chương trình đào tạo, người học phải đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:</i>	Phân loại	
		<i>Chuẩn đầu ra chung</i>	<i>Chuẩn đầu ra chuyên biệt</i>
I. Kiến thức			
PLO 1	Vận dụng hiệu quả kiến thức về triết học, phương pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp.	x	x

PLO 2	Vận dụng thành thạo kiến thức chuyên sâu về cơ sở ngành và chuyên ngành để chẩn đoán, điều trị, theo dõi, tiên lượng và dự phòng được các cấp cứu, bệnh lý Nhi khoa.		x
II. Kỹ năng			
PLO 3	Thực hiện thành thạo chẩn đoán, xử trí, tiên lượng và dự phòng các cấp cứu, bệnh lý Nhi khoa thường gặp và chuyên sâu.		x
PLO 4	Chỉ định đúng và phân tích thành thạo kết quả các phương pháp thăm dò chức năng, xét nghiệm phục vụ chẩn đoán và điều trị các cấp cứu, bệnh lý Nhi khoa thường gặp và chuyên sâu.		x
PLO 5	Thực hiện thành thạo các thủ thuật Nhi khoa thông thường và một số thủ thuật Nhi khoa chuyên sâu.		x
PLO 6	Sử dụng thành thạo một số thiết bị y tế trong chẩn đoán và điều trị các bệnh Nhi khoa.		x
PLO 7	Tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn trong quá trình hành nghề.	x	x
PLO 8	Tham gia tổ chức, quản trị, quản lý các hoạt động nghề nghiệp.	x	x
PLO 9	Thực hiện thành thạo kỹ năng viết đề cương, thu thập, phân tích, trình bày kết quả nghiên cứu khoa học.	x	
III. Mức tự chủ và trách nhiệm			
PLO 10	Chủ động đưa ra những sáng kiến có giá trị thực tiễn, ý nghĩa khoa học trong vận hành và cải tiến hoạt động chuyên ngành Nhi khoa. Ra quyết định mang tính chuyên gia.	x	
PLO 11	Thích ứng với môi trường làm việc thay đổi, tự định hướng và dẫn dắt những người khác trong thực quá trình thực hành nghề nghiệp.	x	
PLO 12	Chủ động học tập, nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong thực hành và phát triển nghề nghiệp.	x	

IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu CTĐT (PEO)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)											
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
PEO 1	x	x										
PEO 2			x	x	x	x						
PEO 3							x	x				
PEO 4									x			
PEO 5										x	x	x

V. Thông tin tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

1. Thông tin tuyển sinh

Cá nhân tham gia dự tuyển bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Nhi khoa khi đạt các điều kiện sau:

- Có bằng CKI/BSNT hoặc Thạc sĩ chuyên ngành đúng với chuyên ngành đăng ký dự thi
- Có kinh nghiệm/thâm niên công tác: sau khi tốt nghiệp CKI/BSNT hoặc sau khi tốt nghiệp Thạc sĩ 36 tháng
- Có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh
- Chỉ được dự tuyển 1 lần.
- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, không bị truy cứu hình sự.
- Có đủ sức khỏe để học tập (Theo Quy định hiện hành).

2. Điều kiện tốt nghiệp

- Hoàn thành, thi đạt toàn bộ chứng chỉ chuyên ngành và các môn chung, môn hỗ trợ theo Quy chế đào tạo bác sĩ chuyên khoa II Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên.

- Đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương)
- Không trong thời gian chịu thi hành kỷ luật.
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Nhà trường.

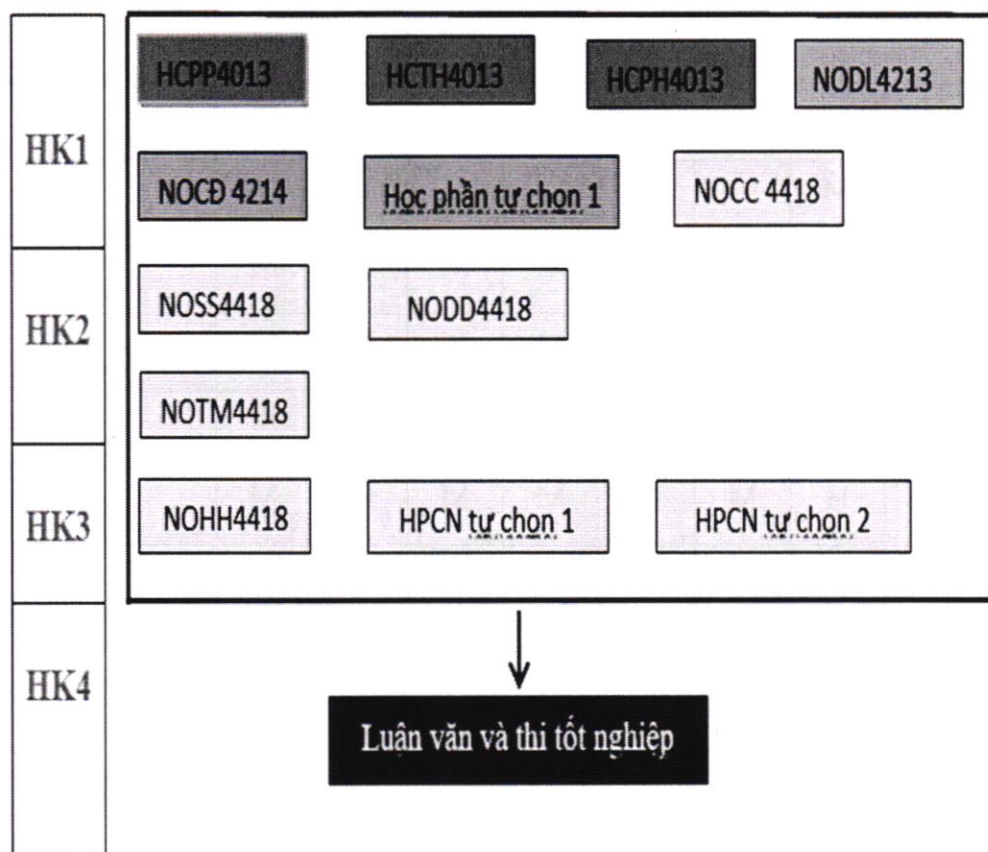
VI. Cấu trúc chương trình (Curriculum Structure)

TT	Mã học phần/ Module	Tên học phần/Mo- dule	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP SH	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
I	Khối kiến thức cơ bản: 9 (11.25%)									
1.1	Học phần/module bắt buộc: 9									
1	HCPP4013	Phương pháp sư phạm y học	3 (2/1)	30	30	90				1
2	HCTH4013	Tin học ứng dụng	3(1/2)	15	60	75				1
3	HCPH4013	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3 (2/1)	30	30	90				1
II	Khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ: 10 (12.5%)									
2.1	Học phần/module bắt buộc: 7 (8,75%)									
4	NODL4213	Dược lâm sàng	3(2/1)	30	30	90				1
5	NOCĐ4214	Chẩn đoán hình ảnh	4(2/2)	30	60	110				1
2.2	Học phần/Module tự chọn: 3 (3,75%). Người học tự chọn 1 học phần/3 học phần									
6	NORT4313	Răng trẻ em	3 (1/2)	15	60	75				1
7	NOSH4313	Sinh học phân tử và ứng dụng	3 (2/1)	30	30	90				1
8	NOPT4313	Phôi thai học	3(3/0)	45	0	105				1

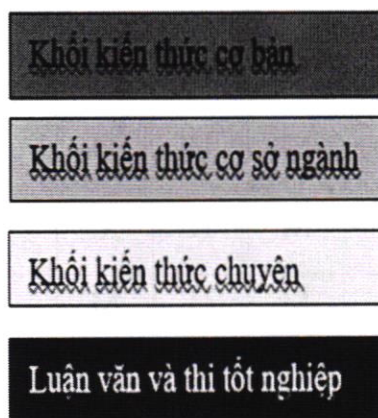
III	Khối kiến thức chuyên ngành: 50 (62,5%)									
3.1	Học phần/module bắt buộc: 40 (50,0%)									
9	NOCC4418	Cấp cứu	8 (3/5)	45	150	205	HP I,II			1
10	NOSS4418	Sơ sinh	8 (3/5)	45	150	205	HP I,II			2
11	NODD4418	Dinh dưỡng - Tiêu hóa	8 (3/5)	45	150	205	HP I,II			2
12	NOTM4418	Tim mạch - Hô hấp	8 (3/5)	45	150	205	HP I,II			2
13	NOHH4418	Huyết học - Tiết niệu	8 (3/5)	45	150	205	HP I,II			3
3.2	Học phần/module tự chọn (nếu có): 10 (12,5%). Người học tự chọn 2 trong 4 học phần									
14	NOTB4515	Tâm bệnh - Thần kinh	5 (2/3)	30	90	130	HP I,II, khối KT CN bắt buộc			3
15	NONT4515	Nội tiết - CHDT	5 (2/3)	30	90	130	HP I,II, khối KT CN bắt buộc			3
16	NOMD4515	Miễn dịch-Dị ứng lâm sàng	5 (2/3)	30	90	130	HP I,II, khối KT CN bắt buộc			3
17	NOUT4515	Ung thư trẻ em	5 (2/3)	30	90	130	HP I, II, khối KT CN bắt buộc			
IV	Ôn và thi tốt nghiệp: 3(2,7%)									
18	NOTN4613	Ôn và thi TN	3(1/2)	15	60	75		HP I,II,II		4
V	Luận văn: 8 (7,3%)									
19	NOLV4818	Luận văn tốt nghiệp	8	120	0	280		HP I,II,II, IV		3,4

VII. Tiến trình dạy học (Curriculum Mapping)

Chuyên khoa II



Ghi chú:



→ Điều kiện tiên quyết

VIII. Mức độ đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)											
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
1	HCPP4013	H					M		M		M	M	H
2	HCTH4013	H					M		M		M	M	H
3	HCPH4013	H	M					M	M	H	M	M	H
4	NODL4213		H	M	M	M	M	M	M		M	M	H
5	NOCĐ4214		H	M	M	M	M	M	M		M	M	H
6	NORT4313		H	M	M	M	M	M	M		M	M	H
7	NOPT4313		H	M	M	M	M	M	M		M	M	H
8	NOSH4313		H	M	M	M	M	M	M		M	M	H
9	NOCC4418		H	H	H	H	M	H	M		M	M	H
10	NOSS4418		H	H	H	H	M	H	M		M	M	H
11	NODD4418		H	H	H	H	M	H	M		M	M	H
12	NOTM4418		H	H	H	H	M	H	M		M	M	H
13	NOHH4418		H	H	H	H	M	H	M		M	M	H
14	NOTB4515		H	H	H	H	M	H	M		M	M	H
15	NONT4515		H	H	H	H	M	H	M		M	M	H
16	NOMD4515		H	H	H	H	M	H	M		M	M	H
17	NOUT4515		H	H	H	H	M	H	M		M	M	H
18	NOTN4613		H	H	H	H	H	H	H		H	H	H
19	NOLV4818		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H

IX. Ma trận tương quan giữa phương pháp dạy-học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)											
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
Thuyết trình	x	x										
Dạy học nhóm nhỏ			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Dạy - học theo nghiên cứu trường hợp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Dạy - học bên giường bệnh			x	x	x	x	x			x	x	x
Dạy - học bằng bảng kiểm			x	x	x	x						

X. Đánh giá kết quả học tập (Learning Assessment)

1. Hình thức, nội dung đánh giá

Hình thức đánh giá		Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)
Chuyên cần	Lý thuyết	Dự lớp 100% tổng số thời lượng của học phần; chuẩn bị thảo luận; hoàn thành các bài tập được giao	10%
	Thực hành	Dự lớp 100% tổng số thời lượng của học phần; chuẩn bị bài, thảo luận, nộp sản phẩm, tham gia lượng giá mỗi bài thực hành.	10%
Kiểm tra thường xuyên	Lý thuyết	Giải quyết tình huống (chấm theo đáp án)	10%
	Thực hành	Chấm chỉ bệnh án (chấm bằng bảng kiểm)	10%
Thi giữa kỳ	Lý thuyết	Giải quyết tình huống (chấm theo đáp án)	30%
	Thực hành	Trung bình cộng của lượng giá chỉ tiêu thực hành và giải quyết tình huống	30%
Kết thúc học phần	Lý thuyết	Báo cáo chuyên đề (chấm bằng bảng kiểm)	50%
	Thực hành	Thi trên bệnh nhân (chấm bằng bảng kiểm)	50%

2. Ma trận tương quan giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra CTĐT

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)											
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12
Tự luận (giải quyết tình huống)	x	x							x	x	x	x
Báo cáo chuyên đề	x	x						x	x	x	x	x
Làm bệnh án		x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
Chỉ tiêu thực hành			x	x	x	x	x	x		x	x	x
Kỹ năng thực hành trên người bệnh			x	x	x	x	x	x		x	x	x

XI. Đối sánh (Benchmarking)

1. Đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước

CTĐT đã được đối sánh với các CTĐT của các trường Đại học trong và ngoài nước cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng CTĐT:

Mô tả	Trường ĐHYD Huế (2016)		Trường ĐHYD Hải Phòng (2013)		Trường ĐHYD TP HCM (2017)		Trường ĐHYD Thái Nguyên(2021)	
	ĐVHT	Tỉ lệ (%)	ĐVHT	Tỉ lệ (%)	ĐVHT	Tỉ lệ (%)	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)
Kiến thức cơ bản	12	12,00	12	12	10	10	9	11,25
Kiến thức cơ sở ngành	12	12,00	12	12	10	10	10	12,5
Kiến thức chuyên ngành	54	54,00	61	61	60	60	40	50,0
Tự chọn	0	0	0	0	0	0	10	12,5
Tốt nghiệp (LV tốt nghiệp)	22	22,00	15	15	20	20	11	13,75
Tổng	100	100	100	100	100	100	80	100

XII. Mô tả tóm tắt các học phần thuộc chương trình đào tạo

A. Khối kiến thức cơ bản

1. Học phần Phương pháp sư phạm y học

Học phần Phương pháp Sư phạm y học thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học phương pháp dạy-học lâm sàng để trở thành người giáo viên giảng dạy thực hành. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, đóng vai. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm thảo luận nhóm, bài tập nhóm, trình bày bài giảng thử theo nhóm nhỏ. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1,12 (mức độ cao), chuẩn đầu ra 6,8,10,11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BSCKII chuyên ngành Nhi khoa.

2. Học phần Tin học ứng dụng

Học phần Tin học thuộc khối kiến thức cơ bản được giảng dạy ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản của môn Tin học và thực hành tin học ứng dụng trong soạn thảo văn bản, trình chiếu trong báo cáo thuyết trình khoa học. Học phần này còn giảng dạy kiến thức về internet và cách sử dụng internet trong nghiên cứu khoa học, dạy sử dụng các thuật toán để xử lý số liệu giúp học viên nghiên cứu khoa học và làm luận văn. Phương pháp giảng: thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, thực hành trên máy tính. Phương pháp lượng giá học phần là thi thực hành trên máy tính. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1,12 (mức độ cao), chuẩn đầu ra 6,8,10,11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BSCKII chuyên ngành Nhi khoa.

3. Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức phương pháp nghiên cứu khoa học trong Y học, dạy cho người học cách khai thác và sử dụng tài liệu tham khảo, cách viết các bài báo khoa học, cũng như viết luận văn tốt nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thực hành. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm vấn đáp, viết đề cương nghiên cứu, thi lý thuyết. Học phần này nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra 1,9,12 (mức độ cao), chuẩn đầu ra 2,7,8,10,11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BSCKII chuyên ngành Nhi khoa.

B. Khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ

4. Học phần Dược lâm sàng

Học phần Dược lâm sàng thuộc kiến thức cơ sở ngành, được dạy – học ở kỳ học I của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức về dược động học, chỉ định, chống chỉ định của các nhóm thuốc thường áp dụng trong điều trị bệnh lý Nhi khoa. Các kỹ năng cơ bản trong việc sử dụng thuốc hợp lý, phát hiện những tác dụng không mong muốn của thuốc trong khi thực hành nghề nghiệp tại bệnh viện. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu ca bệnh. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm tự luận, viết chuyên đề. Học phần này nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra 2,12 (mức độ cao), chuẩn đầu ra 3,4,5,6,7,8,10,11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BSCKII chuyên ngành Nhi khoa.

5. Học phần Chẩn đoán hình ảnh

Học phần Chẩn đoán hình ảnh thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, được dạy ở kỳ học 1 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng về chẩn đoán, hình ảnh các bệnh lý Nhi khoa. Học phần còn trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giao ban, đọc phim ca lâm sàng, phân tích tổn thương trên hình ảnh. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm MCQ, kiểm tra thực hành đọc phim, thi kết thúc thực hành trên máy tính. Học phần này nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra 2,12 (mức độ cao), chuẩn đầu ra 3,4,5,6,7,8,10,11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BSCKII chuyên ngành Nhi khoa.

6. Học phần Răng trẻ em

Học phần Răng trẻ em thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy-học ở kỳ học 1 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao cho người học kiến thức về chẩn đoán và điều trị các bệnh về răng ở trẻ em. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2,12 (mức độ cao), chuẩn đầu ra 3,4,5,6,7,8,10,11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BSCKII chuyên ngành Nhi khoa.

7. Học phần Sinh học phân tử và ứng dụng

Học phần Sinh học phân tử thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy – học ở kỳ học 1 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao cho người học kiến thức về sinh học phân tử. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2,12 (mức độ cao), chuẩn đầu ra 3,4,5,6,7,8,10,11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BSCKII chuyên ngành Nhi khoa.

8. Học phần Phôi thai học

Học phần Phôi thai học thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy – học ở kỳ học 1 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao cho người học kiến thức về phôi thai học. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2,12 (mức độ cao), chuẩn đầu ra 3,4,5,6,7,8,10,11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BSCKII chuyên ngành Nhi khoa.

C. Khối học phần chuyên ngành

9. Học phần Cấp cứu

Học phần cấp cứu là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 2 của chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng phân loại, chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật cấp cứu Nhi khoa thường gặp và chuyên sâu. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp lượng giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 6,8,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,7,12 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

10. Học phần Sơ sinh

Học phần Sơ sinh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 2 của chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng phân loại, chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật sơ sinh thường gặp và chuyên sâu. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp lượng giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 6,8,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,7,12 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

11. Học phần Dinh dưỡng-Tiêu hóa

Học phần Dinh dưỡng-Tiêu hóa là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 2 của chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Dinh dưỡng-Tiêu hóa thường gặp và chuyên sâu. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp lượng giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 6,8,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,7,12 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

12. Học phần Tim mạch-Hô hấp

Học phần Tim mạch-Hô hấp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 2 của chương trình đào tạo chuyên khoa 1 chuyên ngành Nhi khoa. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chẩn đoán,

xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Tim mạch-Hô hấp thường gặp và chuyên sâu. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp lượng giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 6,8,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,7,12 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

13. Học phần Huyết học-Tiết niệu

Học phần Huyết học-Tiết niệu là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 3 của chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Huyết học-Tiết niệu thường gặp và chuyên sâu. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp lượng giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 6,8,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,7,12 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

14. Học phần Tâm bệnh-Thần kinh

Học phần Tâm bệnh-Thần kinh là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 3 của chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Tâm bệnh-Thần kinh thường gặp và chuyên sâu. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên

cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp lượng giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 6,8,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,7,12 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

15. Học phần Nội tiết- Chuyển hóa di truyền

Học phần Nội tiết-Chuyển hóa di truyền là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 3 của chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Nội tiết-Chuyển hóa di truyền thường gặp và chuyên sâu. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp lượng giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 6,8,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,7,12 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

16. Học phần Miễn dịch dị ứng lâm sàng

Học phần Miễn dịch dị ứng lâm sàng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 3 của chương trình đào tạo chuyên khoa II chuyên ngành Nhi khoa. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Miễn dịch dị ứng lâm sàng thường gặp và chuyên sâu. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp lượng giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức,

thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 6,8,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,7,12 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

17. Học phần Ung thư trẻ em

Học phần Ung thư trẻ em là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 3 trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Ung thư trẻ em thường gặp và chuyên sâu. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp lượng giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 6,8,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,7,12 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

18. Học phần Tốt nghiệp

Học phần Tốt nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 4 của chương trình đào tạo chuyên khoa II chuyên ngành Nhi khoa. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng phân loại, chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật một số cấp cứu và các bệnh Nhi khoa thường gặp và chuyên sâu. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp lượng giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thi tay nghề (thủ thuật) có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,8, 10,11,12 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

19. Luận văn

Luận văn Tốt nghiệp thuộc khối kiến thức chuyên ngành, bắt buộc được dạy - học ở kỳ học 3, 4 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho người học củng cố kiến thức, kỹ năng của tất cả các khối kiến thức nhằm đáp ứng tất cả các CDR của chương trình đào tạo. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, dạy học nhóm nhỏ, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp. Người học sẽ được đánh giá thông qua hội đồng tốt nghiệp đánh giá luận văn chuyên khoa II. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2-12 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

XIII. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

Đội ngũ giảng viên gồm có 100 giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT này, trong đó có 1 giáo sư, 12 phó giáo sư, 45 tiến sĩ, 42 CKII. Người học học lý thuyết tại giảng đường, học thực hành tại các phòng thí nghiệm, bệnh viện thực hành như Bệnh viện Trường Đại học Y-Dược Thái Nguyên, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, Bệnh viện A Thái Nguyên và các bệnh viện thực hành khác.

Trường Đại học Y- Dược, Đại học Thái Nguyên có hệ thống giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phòng nghiên cứu khá hiện đại, đáp ứng được yêu cầu học tập và tự nghiên cứu cho người học chuyên khoa II. Các đơn vị thành viên của Đại học Thái Nguyên đều được trang bị rất nhiều phương tiện hỗ trợ dạy học và nghiên cứu khoa học như phòng máy tính đa năng, hệ thống đường truyền kết nối internet đến từng phòng học và phòng thí nghiệm - thực hành. Phòng thí nghiệm và thực hành được trang bị thiết bị phục vụ học tập và nghiên cứu (máy vi tính, máy chiếu projector, các thiết bị phục vụ thực tế chuyên môn). Các bệnh viện thực hành của Trường Đại học Y-Dược Thái Nguyên khá đầy đủ về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn nhân lực...đáp ứng được yêu cầu đào tạo chuyên khoa II.

XIV. Ngày phê duyệt lần đầu:

XV. Tiến trình cập nhật

T T	Tóm tắt nội dung cập nhật	Ngày cập nhật	Tổ trưởng tổ rà soát (Ký, ghi rõ họ tên)	Trưởng khoa/ Bộ môn (Ký, ghi rõ họ tên)
1	Sửa lại bản mô tả CTĐT theo mẫu mới ban hành tại Quyết định số 610/QĐ- ĐHYD ngày 09/4/2021	20/4/2021	 Lê Thị Kim Dung	 Nguyễn Thị Xuân Hương
2	Sửa lại mục tiêu, chuẩn đầu ra, mã HP và rà soát các nội dung liên quan đến CDR theo hướng dẫn Công văn số 1398/ĐHYD-TTKT	6/10/2021	 Lê Thị Kim Dung	 Nguyễn Thị Xuân Hương

XVI. Thành phần phê duyệt



Ban Giám hiệu

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

Hội đồng Khoa/Bộ môn



Nguyễn Thị Xuân Hương

**Tổ trưởng xây dựng/
rà soát**



Lê Thị Kim Dung

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHUYÊN KHOA II CHUYÊN NGÀNH NHI KHOA

THÁI NGUYÊN, NĂM 2022